

Kế toán tài chính

Kế Toán

Nguyên Vật Liệu

Công Cụ Dụng Cụ

Nhóm: 7

Giảng viên: Thái Trần Văn Hạnh





Danh sách thành viên

1. Quách Nguyễn Tú Anh
2. Mai Văn Cường
3. Lê Hoàng Mỹ Linh
4. Nguyễn Thị Ngọc Mai (NT)
5. Phan Công Minh
6. Lý Đăng Phong
7. Võ Thị Diễm Phương

Nội Dung



- I. Khái niệm, phân loại (NVL, CCDC)
- II. Nhiệm vụ kế toán
- III. Nguyên tắc kế toán
- IV. Cách tính giá xuất kho, nhập kho
- V. Hoạch toán chi tiết NVL – CCDC
- VI. Tài khoản sử dụng
- VII. Kế toán tổng hợp – PP kê khai thường xuyên
- VIII. Kế toán tổng hợp – PP kiểm kê định kì
- IX. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Nguyên vật liệu

Khái niệm

Là những đối tượng lao động doanh nghiệp mua ngoài hoặc tự chế dùng cho sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ. Chỉ tham gia vào một chu kì sản xuất kinh doanh nhất định.

Bao gồm:

- NVL chính: Cấu thành thực thể chính của sản phẩm.
- NVL phụ: Kết hợp với NVL chính hoàn chỉnh sản phẩm.
- Nhiên liệu: Cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất.
- Phụ tùng thay thế: Dùng thay thế, sửa chữa
- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Sử dụng cho XD CB.
- Vật liệu khác: Phế thải, vật liệu thu hồi do thanh lý TSCĐ...

Công cụ dụng cụ

Khái niệm

Là những tư liệu lao động không đủ tiêu chuẩn giá trị và thời gian sử dụng quy định để được coi là TSCĐ.

Bao gồm:

- Các CCDC, giá lắp chuyên dụng cho công tác xây lắp.
- Các bao bì bán kèm hàng hóa có tính giá riêng và có trừ dần giá trị trong quá trình dự trữ, bảo quản.
- Dụng cụ, đồ nghề bằng thủy tinh, sành sứ
- Phương tiện quản lý, đồ dùng văn phòng
- Quần áo, giày dép chuyên dụng làm việc.

Nhiệm vụ kế toán

- Ghi chép, tính toán, phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác số lượng, chất lượng, giá thực tế của NVL, CCDC nhập kho, xuất kho.
- Kiểm tra tình hình chấp hành các định mức tiêu hao NVL, CCDC.
- Phân bổ hợp lý giá trị NVL, CCDC sử dụng cho các đối tượng khác nhau.
- Tính toán, phản ánh chính xác số lượng, chất lượng, giá trị NVL, CCDC tồn kho. Kịp thời phát hiện vật tư thừa, thiếu, kém phẩm chất để có biện pháp xử lý kịp thời, hạn chế tối đa thiệt hại có thể xảy ra.

Nguyên tắc kế toán

- Kế toán nhập, xuất, tồn kho NVL, CCDC phải theo nguyên tắc giá gốc quy định trong chuẩn mực số 02 “Hàng tồn kho”. Nội dung giá gốc xác định tùy theo nguồn nhập.
- Tính trị giá NVL, CCDC tồn kho được thực hiện theo 1 trong 4 phương pháp (Bình quân, FIFO, LIFO, đích danh). Phải đảm bảo tính nhất quán trong cả niên độ kế toán.
- Kế toán chi tiết NVL, CCDC phải thực hiện theo từng kho, từng loại, từng nhóm, từng thứ NVL, CCDC.

Nguyên tắc kế toán

- CCDC xuất dùng cho SX-KD, cho thuê phải được theo dõi trên sổ kế toán chi tiết theo nơi sử dụng, đối tượng thuê và người chịu trách nhiệm. CCDC có giá trị lớn, quý hiếm phải có thể thức bảo quản đặc biệt.
- Riêng CCDC có giá trị nhỏ nhất khi xuất dùng cho SX-KD phải ghi nhận toàn bộ 1 lần vào chi phí SX – KD.
- Xuất CCDC 1 lần có giá trị lớn, thời gian sử dụng dưới 1 năm thì giá trị xuất được ghi vào TK 142, phân bổ dần vào chi phí SX-KD.
- Xuất CCDC có giá trị lớn, thời gian sử dụng trên 1 năm thì giá trị được ghi vào TK 242, phân bổ dần vào chi phí SX- KD.

Cách tính giá nhập

Đối với vật liệu mua ngoài:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực} \\ \text{tế của VL} \\ \text{mua} \\ \text{ngoài} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua} \\ \text{ghi trên} \\ \text{hoá đơn} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thu mua} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{thuế không} \\ \text{được hoàn} \\ \text{lại} \end{array} - \begin{array}{l} \text{CKTM,} \\ \text{Giảm giá} \\ \text{hàng mua} \end{array}$$

Đối với vật liệu thuê ngoài gia công chế biến:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{của VL thuê} \\ \text{ngoài} \\ \text{GCCB} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{của VL xuất} \\ \text{thuê ngoài} \\ \text{GCCB} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thuê} \\ \text{ngoài GCCB} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Cách tính giá nhập

Đối với vật liệu tự chế:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{của VL tự} \\ \text{chế} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành} \\ \text{sản xuất VL} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Đối với vật liệu được cấp, biểu, tặng, viện trợ:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của} \\ \text{VL được cấp,} \\ \text{biểu, tặng, viện} \\ \text{trợ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá theo biên bản} \\ \text{giao nhận hoặc hội} \\ \text{đồng định giá xác} \\ \text{định} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Cách tính giá nhập

Đối với vật liệu nhận góp vốn liên doanh:

Giá thực tế của VL được nhận góp vốn liên doanh = Giá trị vốn góp do hội đồng liên doanh đánh giá chấp nhận

Đối với vật liệu vay, mượn tạm thời:

Giá thực tế của VL vay mượn tạm thời = Giá thị trường hiện tại của CCDC

Đối với phế liệu thu hồi từ sản xuất:

Giá thực tế của phế liệu thu hồi = Giá do hội đồng thu hồi định giá hoặc giá có thể thu hồi tối thiểu

Cách tính giá xuất

- Phương pháp giá đích danh.
- Phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp nhập trước, xuất trước.
- Phương pháp nhập sau, xuất trước.

Cách tính giá xuất

➤ Định giá theo giá hoạch toán:

$$\begin{array}{l} \text{Hệ số chênh lệch} \\ \text{giữa giá thực tế} \\ \text{và giá hoạch toán} \\ \text{của vật tư} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của} \\ \text{vật tư tồn kho} \\ \text{đầu kì} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá thực tế của} \\ \text{vật tư nhập kho} \\ \text{trong kì} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá hoạch toán} \\ \text{của vật tư tồn} \\ \text{kho đầu kì} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá hoạch toán} \\ \text{của vật tư tồn} \\ \text{kho cuối kì} \end{array}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của} \\ \text{vật tư xuất} \\ \text{dùng trong kì} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá hoạch toán} \\ \text{của vật tư xuất} \\ \text{dùng trong kì} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số chênh lệch giữa} \\ \text{giá thực tế và giá} \\ \text{hoạch toán của vật tư} \end{array}$$

Hoạch toán chi tiết

Chứng từ sử dụng:

- ✓ Phiếu nhập kho (Mẫu 01 – VT)
- ✓ Phiếu xuất kho (Mẫu 02 – VT)
- ✓ Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu 03 – VT)
- ✓ Phiếu báo vật tư còn lại cuối kì (Mẫu 04 – VT)
- ✓ Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu 05 – VT)
- ✓ Bảng kê mua hàng (Mẫu 06 – VT)
- ✓ Bảng kê nhập (xuất) vật tư.
- ✓ Phiếu giao nhận chứng từ
- ✓ Bảng lũy kế nhập – xuất – tồn kho
- ✓
- ✓ Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (Mẫu 07 – VT)

Hoạch toán chi tiết

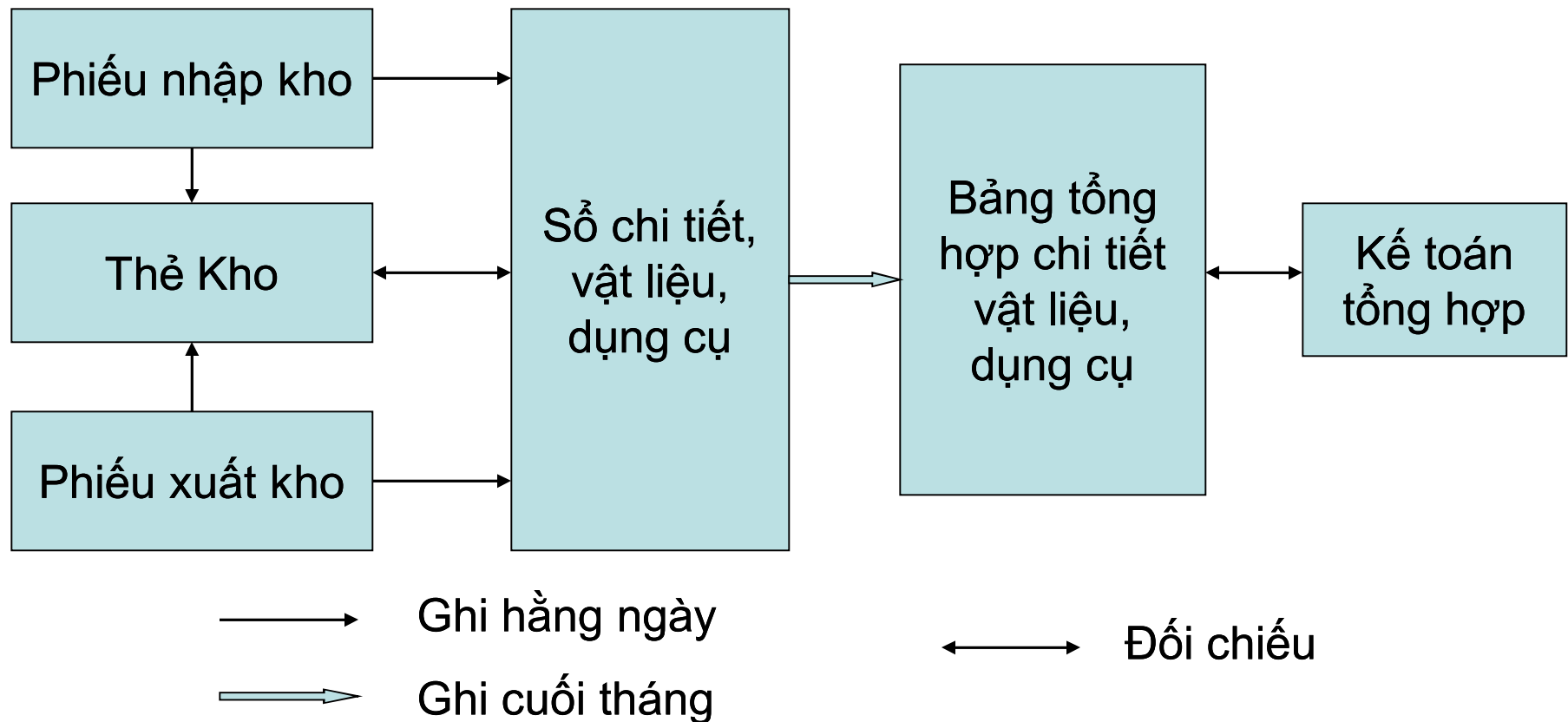
Sổ sách sử dụng:

- Sổ kho (Thẻ kho) – do thủ kho theo dõi
- Sổ chi tiết, vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa
- Sổ đối chiếu luân chuyển
- Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm hàng hóa
- Sổ cái hay Nhật ký – Sổ cái.
- Sổ số dư.

Hoạch toán chi tiết

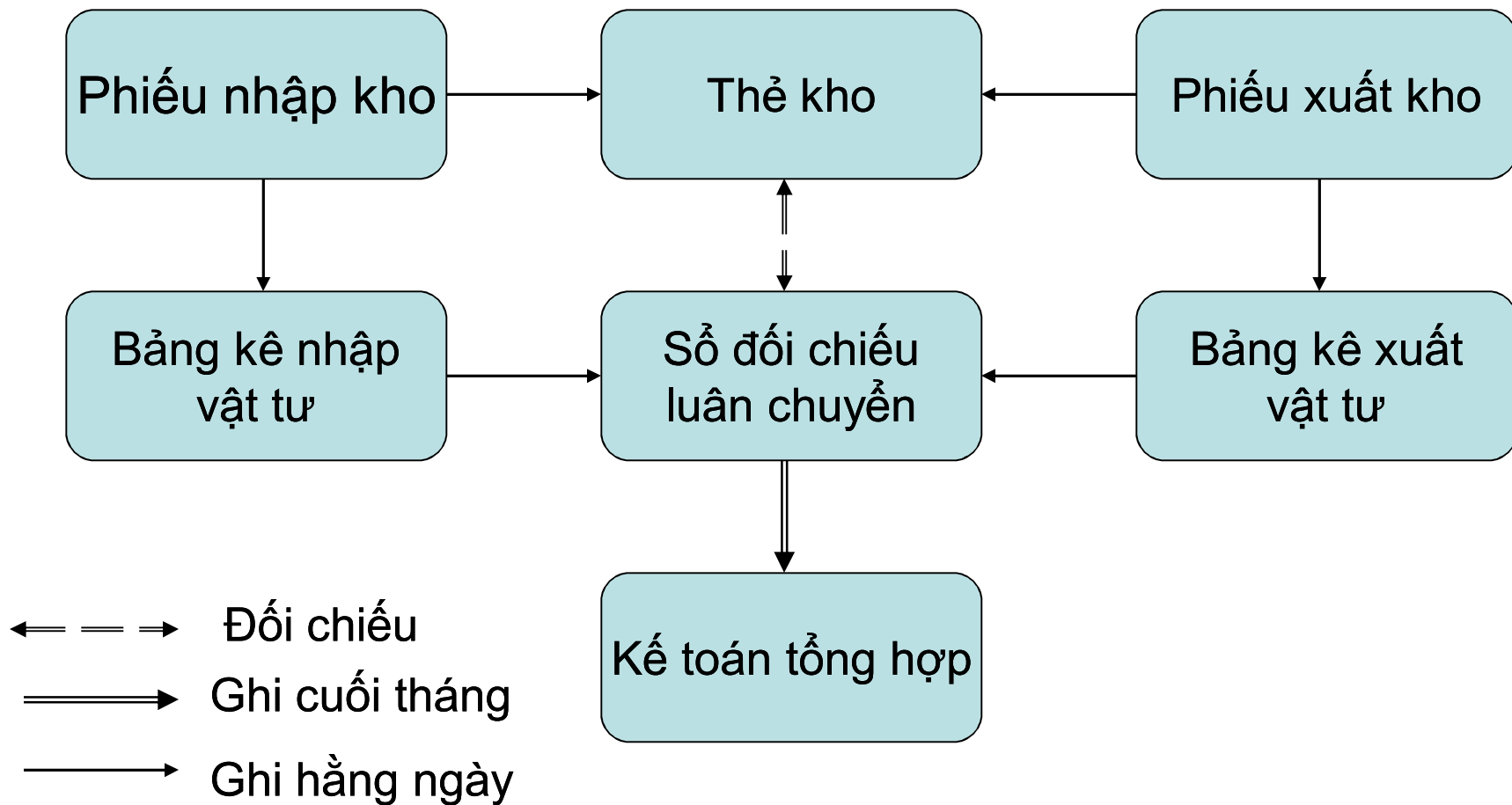
Phương pháp kế toán chi tiết:

- Phương pháp mở thẻ song song



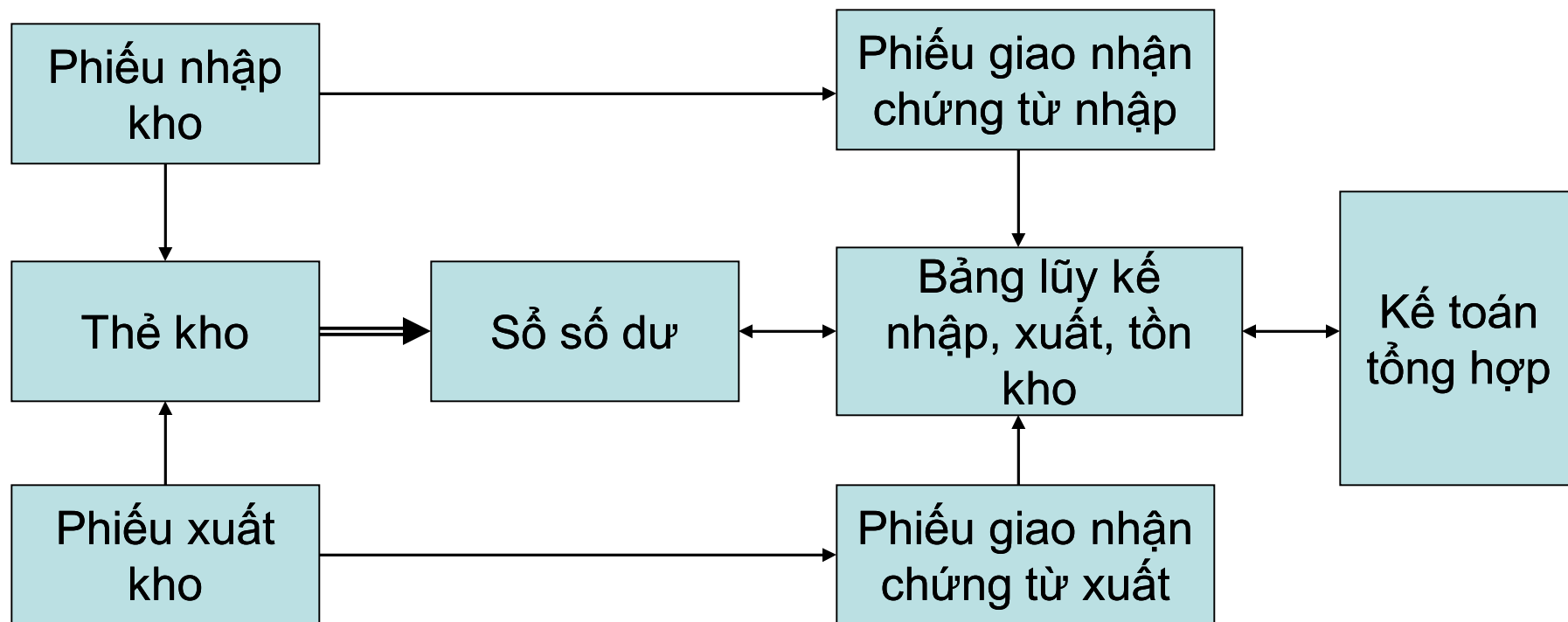
Hoạch toán chi tiết

- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



Hoạch toán chi tiết

- Phương pháp sổ số dư:



- Ghi hằng ngày
- ====→ Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu

Tài khoản sử dụng

TK 152

- ✓ Trị giá gốc của NVL nhập trong kì
- ✓ Số tiền điều chỉnh tăng giá khi đánh giá lại NVL
- ✓ Trị giá NVL thừa phát hiện khi kiểm kê
- ✓ Kết chuyển giá gốc của NVL tồn kho cuối kì từ TK 611 (PP kiểm kê định kì)

- ✓ Trị giá gốc của NVL xuất
- ✓ Số điều chỉnh giảm do đánh giá lại NVL
- ✓ Số tiền được giảm giá NVL khi mua
- ✓ Trị giá NVL thiếu phát hiện khi kiểm kê
- ✓ Kết chuyển trị giá gốc của NVL tồn đầu kì sang TK 611 (PP kiểm kê định kì)

SD: Giá gốc NVL còn tồn kho

Tài khoản sử dụng

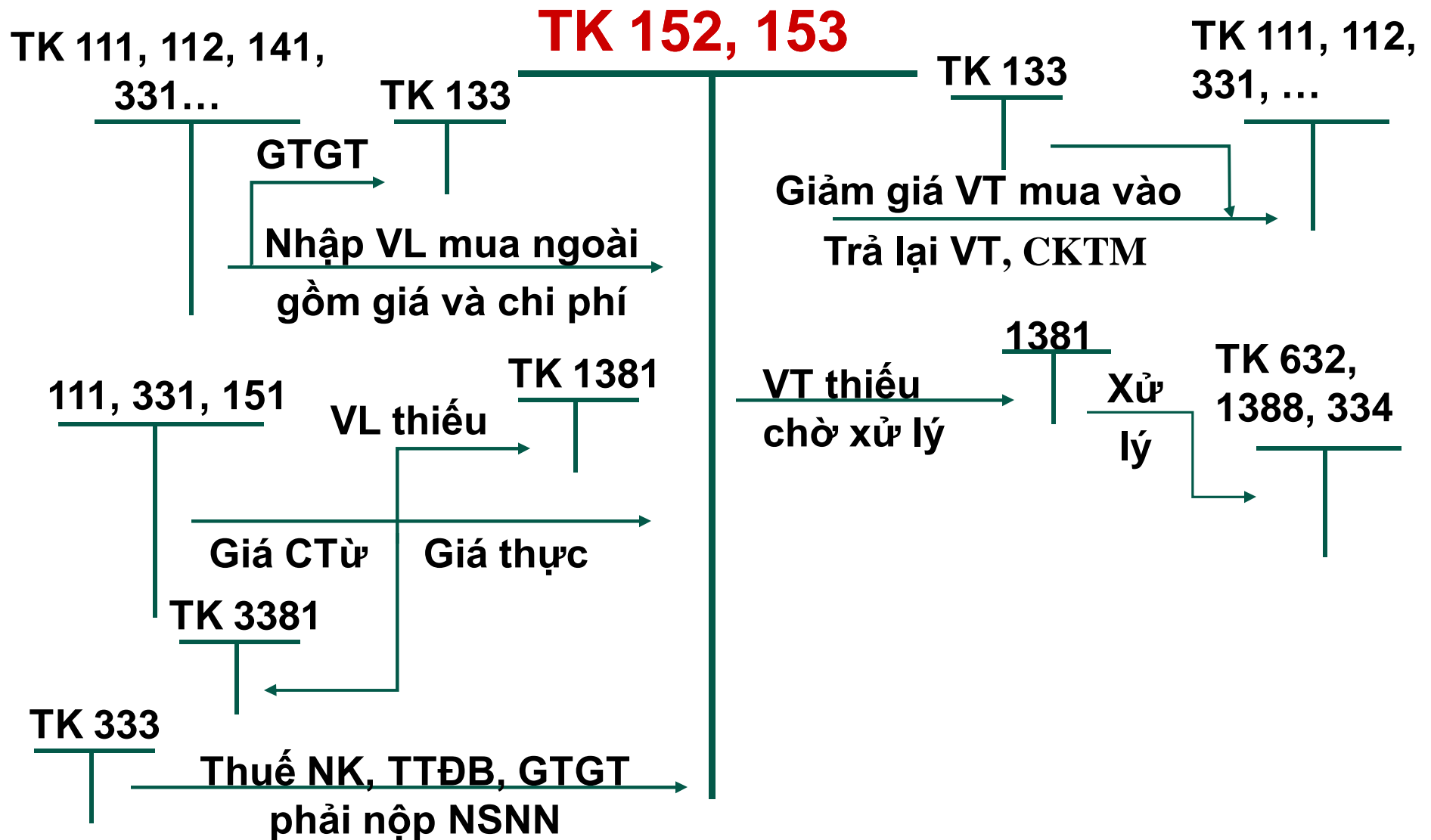
TK 153

- ✓ Trị giá gốc của CCDC nhập trong kì
- ✓ Số tiền điều chỉnh tăng giá khi đánh giá lại CCDC
- ✓ Trị giá CCDC thừa phát hiện khi kiểm kê
- ✓ Kết chuyển giá gốc của CCDC tồn kho cuối kì từ TK 611 (PP kiểm kê định kì)

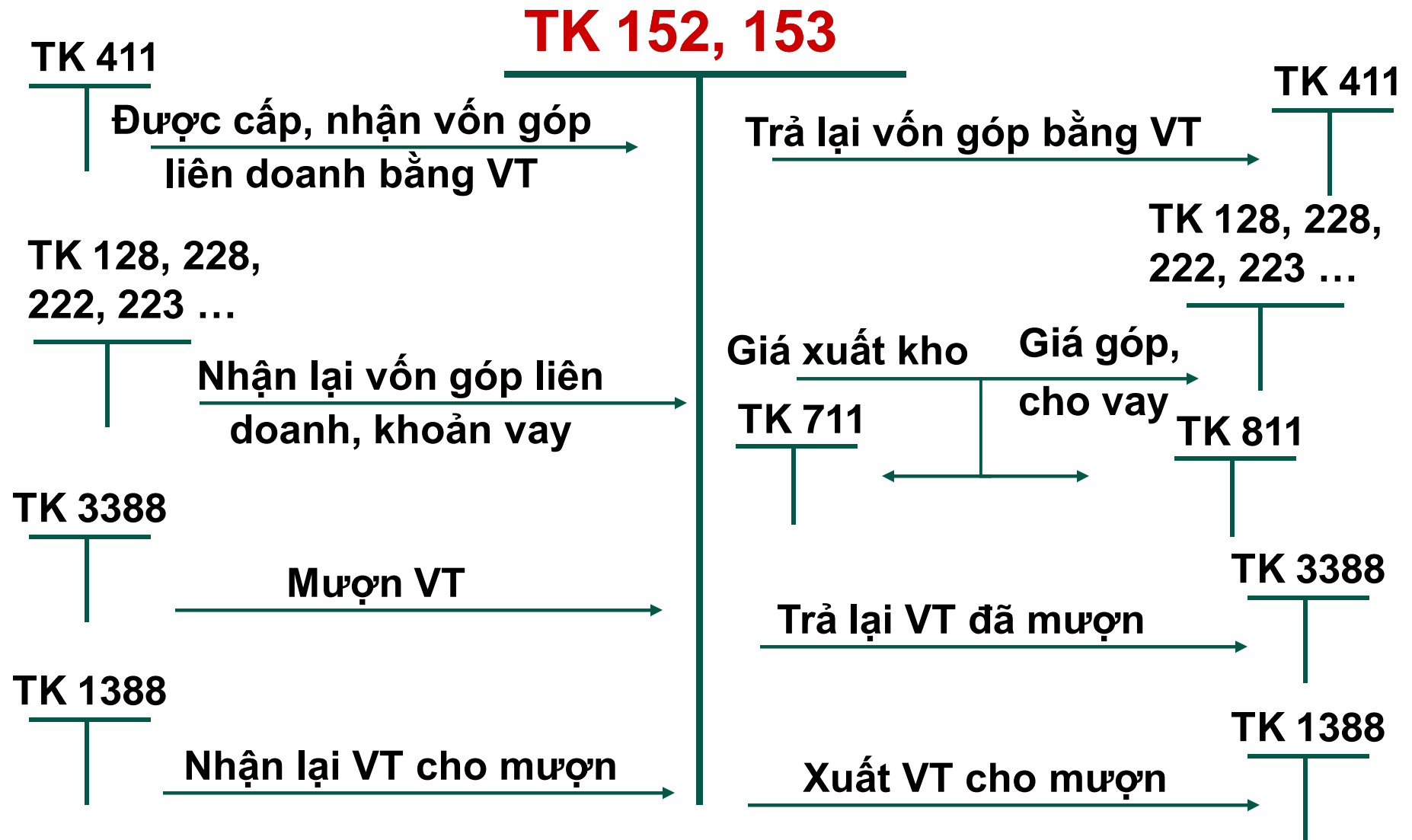
- ✓ Trị giá gốc của CCDC xuất
- ✓ Số điều chỉnh giảm do đánh giá lại CCDC
- ✓ Số tiền được giảm giá CCDC khi mua
- ✓ Trị giá CCDC thiếu phát hiện khi kiểm kê
- ✓ Kết chuyển trị giá gốc của CCDC tồn đầu kì sang TK 611 (PP kiểm kê định kì)

SD: Giá gốc CCDC còn tồn kho

Kế toán tổng hợp – PP kê khai



Kế toán tổng hợp – PP kê khai

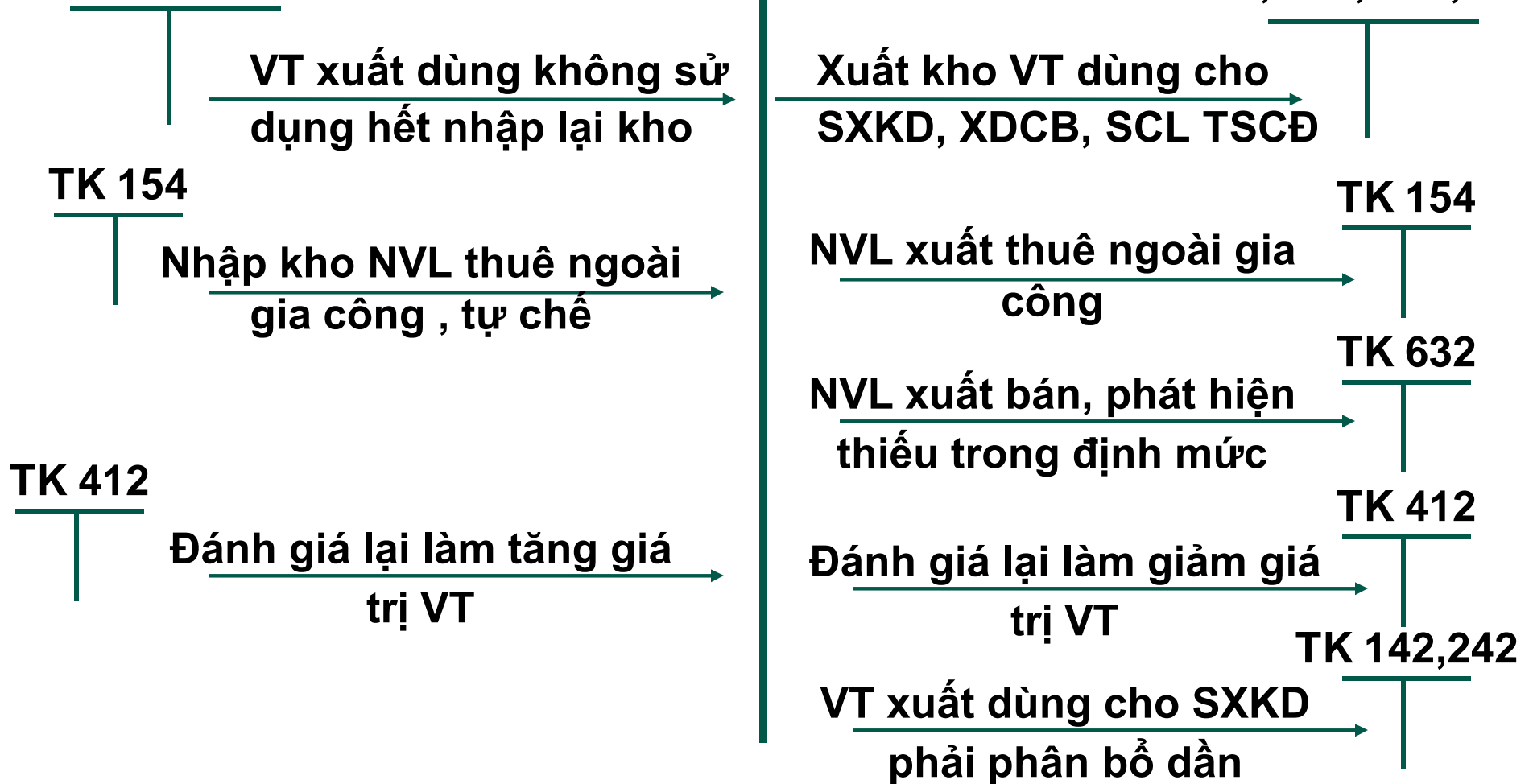


Kế toán tổng hợp – PP kê khai

TK 621, 623, 627,
641, 642, 241, ...

TK 152, 153

TK 621, 623, 627,
641, 642, 241, ...



Kế toán tổng hợp – PP kê khai

Kế toán xuất kho CCDC

Phương pháp phân bổ 1 lần:

Thường dùng trong trường hợp giá trị CCDC nhỏ, có thời gian sử dụng ngắn

Hoạch toán

Nợ TK 632(3): GT xuất dùng cho máy thi công

Nợ TK 627(3): GT xuất dùng cho phân xưởng

Nợ TK 641(3): GT xuất dùng cho bộ phận bán hàng

Nợ TK 642(3): Giá trị xuất dùng cho bộ phận QLDN.

Có TK 153(1): Giá trị xuất kho

Kế toán tổng hợp – PP kê khai

Kế toán xuất kho CCDC

Phương pháp phân bổ 2 lần:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{CCDC} \\ \text{phân bổ} \\ \text{lần cuối} \end{array} = \frac{\text{Giá trị CCDC hỏng}}{2} - \text{Giá trị phế} \\ \text{liệu thu hồi} - \text{Bồi thường} \\ \text{vật chất}$$

Hoạch toán

+ Bút toán 1:

Nợ TK 142, 242: Toàn bộ giá trị xuất dùng

Có TK 153(1): Toàn bộ giá trị xuất dùng

+ Bút toán 2:

Nợ TK 623, 627, 641, 642, 214: 50% giá trị CCDC xuất dùng

Có TK 142, 242 : 50% giá trị CCDC xuất dùng

Kế toán tổng hợp – PP kê khai

Kế toán xuất kho CCDC

Phương pháp phân bổ nhiều lần:

$$\begin{array}{l} \text{Mức phân bổ giá trị} \\ \text{CCDC trong 1 kì} \\ \text{hoạch toán} \end{array} = \frac{\text{Giá trị CCDC xuất dùng}}{\text{Số lần phân bổ}}$$

Hoạch toán

+ Bút toán 1:

Nợ TK 142, 242: Toàn bộ giá trị CCDC xuất dùng

Có TK 153(1) : Toàn bộ giá trị CCDC xuất dùng

+ Bút toán 2:

Nợ TK 623, 627, 641, 642, 241: Giá trị CCDC phân bổ 1 lần

Có TK 142, 242 : Giá trị CCDC phân bổ 1 lần

Kế toán tổng hợp – PP kê khai

Kế toán xuất kho CCDC

Trường hợp hỏng, mất, hết thời hạn sử dụng

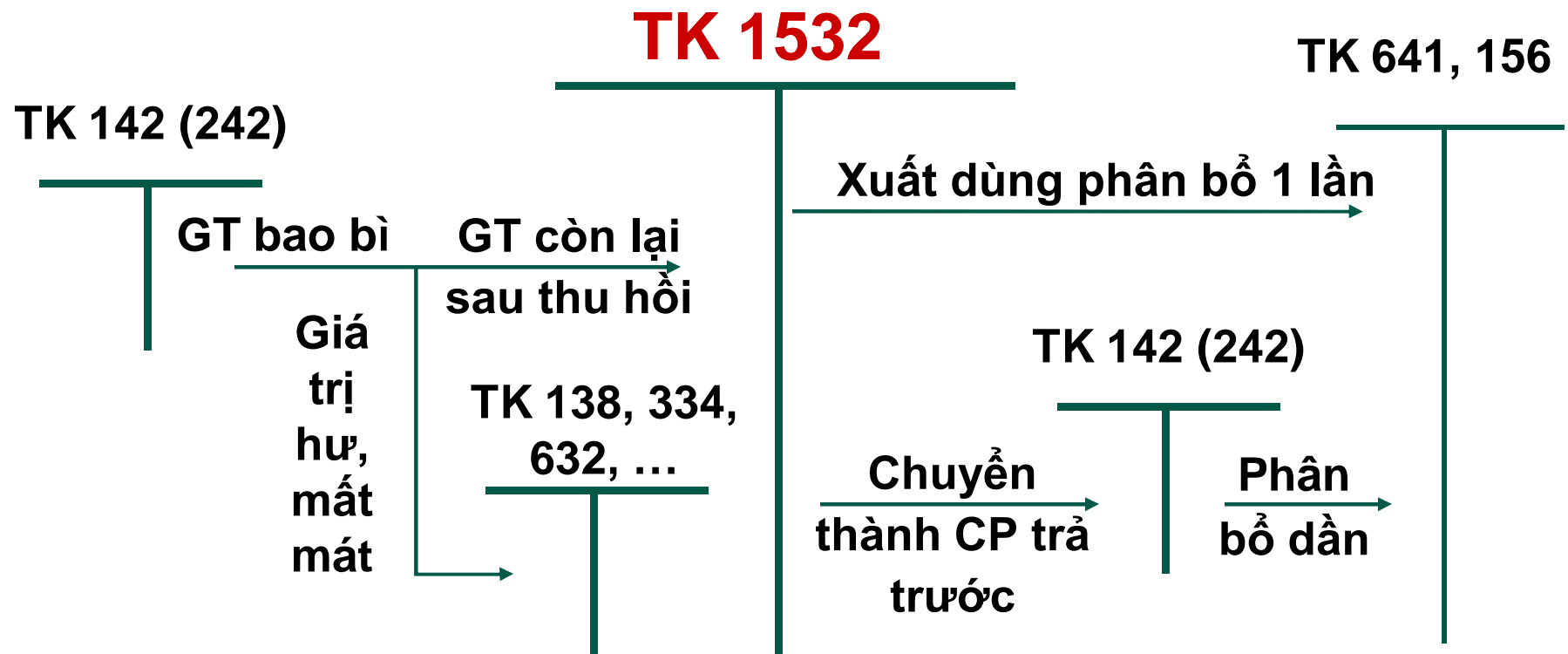
Nợ TK 111, 152, 138, 334,... : Giá trị phế liệu thu hồi, bồi thường

Nợ TK 623, 627, 641, 642,...: Phân bổ giá trị còn lại của CCDC

Có TK 142, 242 : Giá trị CCDC còn lại sau khi phân bổ

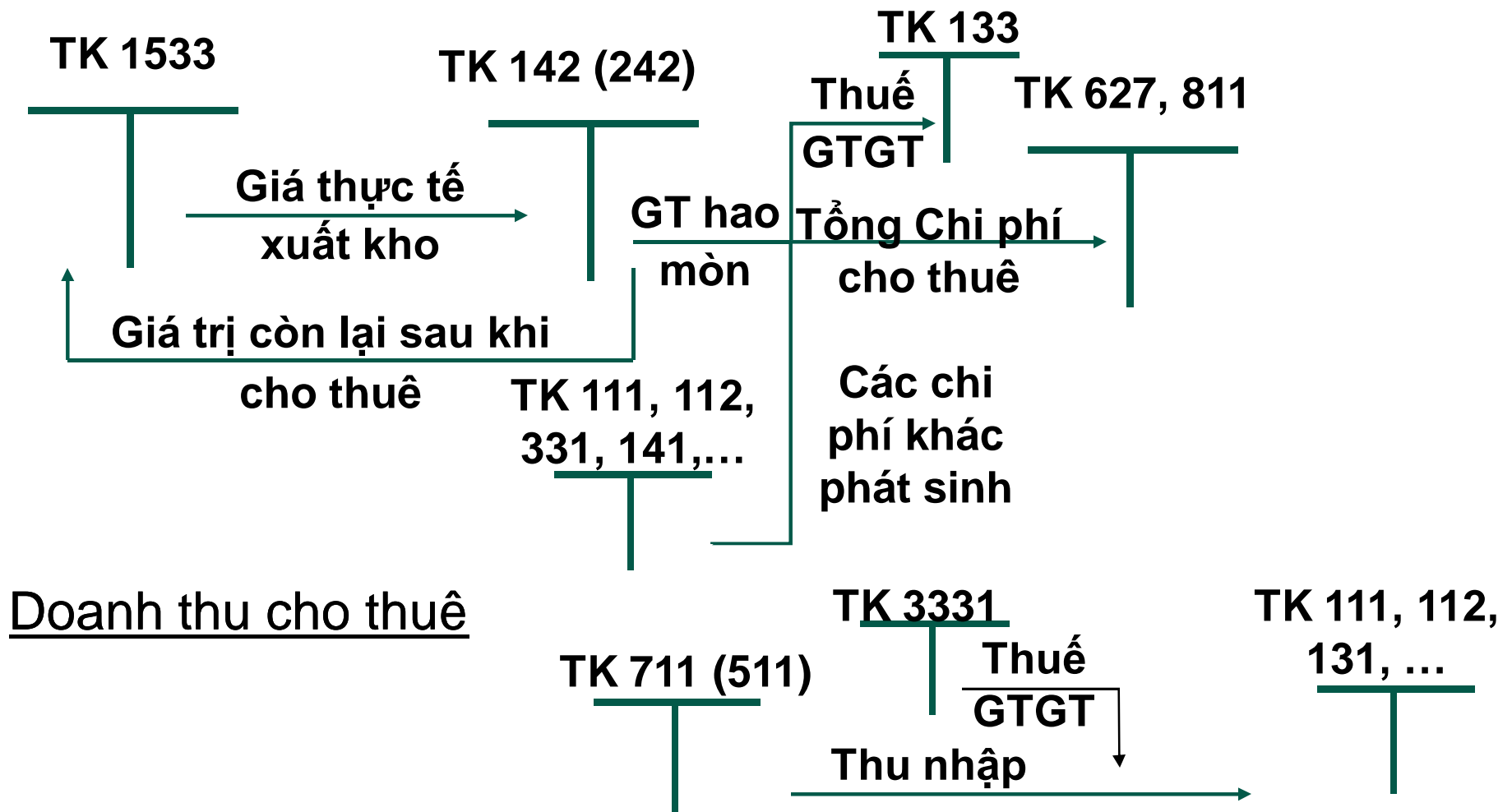
Kế toán tổng hợp – PP kê khai

Kế toán xuất kho Bao bì luân chuyển



Kế toán tổng hợp – PP kê khai

Kế toán xuất kho Đồ dùng cho thuê



Kế toán tổng hợp – PP Kiểm kê định

$$\text{Trị giá vật tư xuất kho} = \text{Trị giá vật tư tồn đầu kì} + \text{Trị giá vật tư nhập trong kì} + \text{Trị giá vật tư còn cuối kì}$$

Tài khoản sử dụng:

TK 611

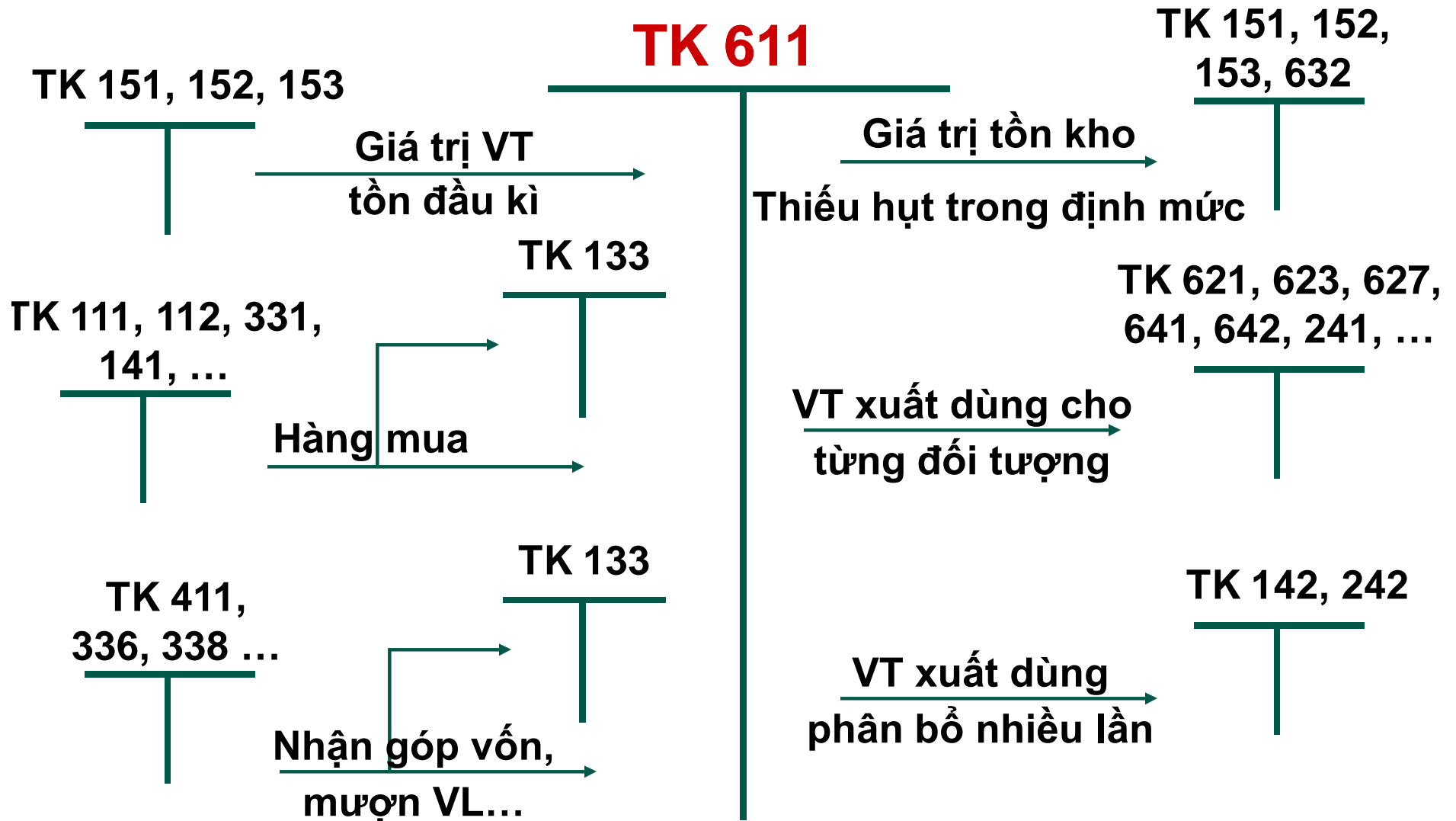
- ✓ Kết chuyển trị giá thực tế VT tồn kho đầu kì (KQ kiểm kê)
- ✓ Trị giá thực tế NVL, CCDC tăng trong kì

- ✓ Kết chuyển trị giá thực tế VT tồn kho cuối kì (KQ kiểm kê)
- ✓ Trị giá thực tế VT xuất dùng trong kì
- ✓ Trị giá thực tế VT mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá.

Tổng phát sinh nợ

Tổng phát sinh có

Kế toán tổng hợp – PP Kiểm kê định



Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn

- Thực hiện vào thời điểm khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm.
- VT lập dự phòng giảm giá thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, tồn kho tại thời điểm lập BCTC có giá trị thu hồi hoặc giá thị trường thấp hơn giá ghi trên sổ kế toán.
- Trường hợp vật tư tồn kho có giá trị giảm so với giá ghi trên sổ kế toán nhưng giá bán SP, DV được sản xuất từ VT không giảm thì không được trích lập dự phòng giảm giá.
- Phải tiến hành riêng cho từng loại vật tư, hàng hóa. Tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng giảm giá vào bảng kê chi tiết.

Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự} \\ \text{phòng giảm} \\ \text{giá VT cho} \\ \text{năm kế} \\ \text{hoạch} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số VT tồn kho} \\ \text{giảm giá tại} \\ \text{thời điểm lập} \\ \text{báo cáo tài} \\ \text{chính năm} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá hoạch} \\ \text{toán trên sổ} \\ \text{kế toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá thực tế trên} \\ \text{thị trường tại} \\ \text{thời điểm lập} \\ \text{báo cáo tài} \\ \text{chính năm} \end{array}$$

Tài khoản sử dụng:

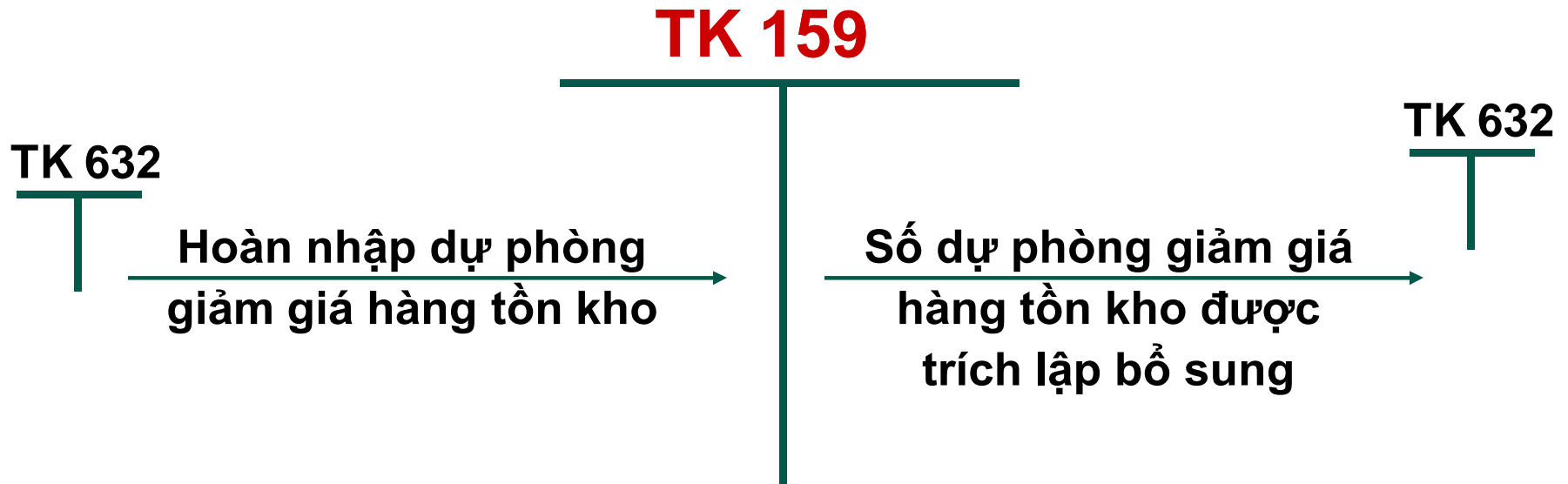
TK 159


Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập

Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập

SD: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ

Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn



The background features a complex, abstract digital composition. It consists of numerous thin, glowing lines in shades of purple, blue, and pink that swirl and curve across a black field. A prominent, bright white and yellow light source is positioned in the lower-middle section, creating a lens flare effect and illuminating the surrounding lines. The overall aesthetic is futuristic and ethereal.

**Cảm ơn các bạn đã
quan tâm theo dõi !!**